

Saturday, August 1st, 2026

Grammar 2: Dạng V-ing/ to V/ V nguyên

A. Dùng V-ing khi:

1. Sau ĐT sở thích: like, love, enjoy

2. Sau **giới từ**: in, on, at, about...

Nhớ:

* keen **on**/ **fond of**/ interested **in**: thích (tính từ)

I **am** keen on reading.

My mother is fond of cooking.

** good at: giỏi làm gì, bad at: kém làm gì

How about +V-ing: Còn về.... thì sao?

3. Đứng đầu câu

Using a computer is easy.

B. Dùng to V khi:

1. Sau ĐT chỉ mong muốn: want, would like, would love

2. Sau tính từ (easy, nice...)

It's **easy** to cook.

3 Chỉ mục đích (để làm gì)

I went to the bakery to buy a cake.

C. Dùng V nguyên sau: can, could (có thể), Let's (Nào)

Vocabulary 1: **Hobbies** (Sở thích)

1. Vocabulary:

- hobby: sở thích
- go camping: đi cắm trại
- hang out with friends: đi chơi với bạn
- surf the Internet: lướt mạng
- +
- +
- go for a walk: đi dạo
- paint: vẽ
- write poetry: viết thơ
- +
- +
- go shopping: đi mua sắm

-
- listen to classical music: nghe nhạc cổ điển
- +
- +
- **take a nap**: ngủ ngắn
- read magazines: đọc tạp chí
- learn new things: học cái mới
- learn a new language: học ngôn ngữ mới
- +
- +
- travel: du lịch
- do morning exercise: tập thể dục

2. Cấu trúc: 2 cách nói sở thích

1. Dùng động từ sở thích: like, love, enjoy

S + động từ (like/love) + V-ing

My mother likes cooking.

2. Dùng tính từ sở thích

S + **am/is/are** + tính từ sở thích

keen on, fond of, interested in + V-ing

My mother is keen on cooking.